

Số: /BC-TTYT

Đà Lạt, ngày tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO TỔNG KẾT

03 Chương trình, Đề án của Thủ tướng Chính phủ về Y tế trường học và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2019 - 2025

Thực hiện Công văn số 1454/SYT-NVYD ngày 20/4/2025 của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng về việc báo cáo tổng kết thực hiện các Kế hoạch của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Trung tâm Y tế Đà Lạt triển khai thực hiện với kết quả sau:

I. Khái quát tình hình liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2019-2025

- Từ năm 2019 đến nay, công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh trong các nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, ngành. Các chương trình mục tiêu quốc gia được Thành phố hết sức quan tâm; xã hội hóa công tác giáo dục đối với học sinh trong nhà trường được đẩy mạnh.

- Toàn thành phố hiện có 75 đơn vị trường học từ Mầm non đến Trung học phổ thông. Hầu hết các trường học đều được đầu tư một số trang thiết bị, danh mục thuốc cơ bản phục vụ công tác Y tế trường học (YTTH). Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe được các trường tổ chức linh hoạt bằng nhiều hình thức: phát trên hệ thống loa phát thanh của trường vào giờ giải lao; giờ chào cờ; tổ chức các buổi ngoại khóa hoặc lồng ghép trong các giờ giảng phù hợp với môn học, cấp học.

- Ngành Y tế và ngành Giáo dục thường xuyên phối hợp chỉ đạo các trường tổ chức các buổi tuyên truyền, nói chuyện về giáo dục sức khỏe; thường xuyên kiểm tra công tác YTTH; tổ chức nhiều chương trình chăm sóc sức khỏe học sinh. Các đơn vị Y tế làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh và các bệnh thường gặp cho học sinh tại trường. Duy trì xây dựng trường học an toàn, lồng ghép các hoạt động chăm sóc sức khỏe trong học đường như tiêm chủng mở rộng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng học sinh, phòng chống dịch bệnh... Hướng dẫn, chỉ đạo hỗ trợ và kiểm tra, đánh giá các trường về điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo công tác vệ sinh học đường, hướng dẫn công tác phòng chống dịch bệnh và bệnh tật học đường, an toàn thực phẩm, dinh dưỡng trong trường học. Công tác phòng chống bệnh, tật trong trường học được triển khai, góp phần từng bước giảm tỷ lệ mắc tật khúc xạ, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, giun sán,... và các yếu tố nguy cơ của sức khỏe trong trường học.

- Tuy nhiên, thực tế hiện nay công tác YTTH vẫn còn những hạn chế, khó khăn. Cán bộ làm công tác YTTH chủ yếu là kiêm nhiệm (tập trung ở cấp học Mầm non), trình độ chuyên môn chưa đáp ứng theo quy định. Nguồn kinh phí phục vụ cho công tác YTTH còn hạn hẹp, chủ yếu từ nguồn bảo hiểm y tế học sinh. Mặt khác, ở tuyến cơ sở, trang thiết bị phục vụ hoạt động YTTH còn thiếu, chưa có kinh phí để mua mới hoặc sửa chữa, do vậy hiệu quả công tác YTTH chưa đạt như mong muốn.

II. Công tác chỉ đạo, điều hành

1. Trung tâm Y tế Đà Lạt ban hành Kế hoạch hoạt động Y tế trường học, Kế hoạch liên ngành, Kế hoạch kiểm tra Y tế trường học, chiến dịch tiêm chủng, tẩy giun... hàng năm (*phụ lục 1*).

2. Công tác chỉ đạo phối hợp liên ngành của địa phương

- Chủ trì và phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Lạt tham mưu cho UBND thành phố trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác YTTH trên địa bàn. Hướng dẫn các trường kiện toàn Ban chăm sóc sức khỏe học sinh, xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ công tác YTTH.

- Chỉ đạo các cơ sở Y tế trực thuộc phối hợp với các trường học triển khai thực hiện tốt các nội dung của công tác y tế trường học, nhất là thực hiện đầy đủ trách nhiệm quy định tại điều 13 và điều 15 của Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDDT ngày 12/5/2016.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên y tế trường học; hướng dẫn triển khai quản lý, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe học sinh và truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát các điều kiện vệ sinh trường học, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc, quản lý sức khỏe học sinh.

III. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của 03 Chương trình, Đề án (*Phụ lục 2*)

- Trung tâm Y tế Đà Lạt và Phòng Giáo dục – Đào tạo thành phố Đà Lạt xây dựng Quy chế phối hợp thực hiện công tác Y tế trường học và Kế hoạch liên ngành phối hợp công tác Y tế trường học giai đoạn từ nay đến năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe học sinh (phòng y tế, trang thiết bị, thuốc thiết yếu, nước sạch, nhà vệ sinh trường học ...) cơ bản đáp ứng hoạt động chuyên môn và phù hợp với điều kiện thực tế

- Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe được đẩy mạnh thông qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục ý thức vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh; giáo dục dân số, giới tính, sức khỏe sinh sản vị thành niên, phòng, chống HIV/AIDS.

- Các trường học duy trì giám sát sĩ số, tình hình sức khỏe học sinh hàng ngày, thông tin báo cáo kịp thời theo quy định khi xảy ra dịch bệnh hoặc sự việc bất thường liên quan đến sức khỏe học sinh. Phối hợp xử lý theo quy định khi có dịch bệnh xảy ra tại trường học. Chú trọng việc xây dựng, sử dụng và bảo quản các công trình cấp nước và công trình vệ sinh trường học, duy trì tổng vệ sinh toàn trường 1 lần/tuần, giám sát bộ gây, muỗi truyền bệnh; kiểm soát việc bảo quản, thu gom và xử lý chất thải, hóa chất độc hại nguy hiểm trong nhà trường; thường xuyên kiểm tra, rà soát hệ thống chiếu sáng trong lớp học, các quy định về tiêu chuẩn bàn, ghế, bảng...để cải tạo, nâng cấp, sửa chữa.

- Triển khai tốt các nội dung chăm sóc sức khỏe cho học sinh: khám, kiểm tra sức khỏe, sơ cấp cứu ban đầu... Phối hợp với gia đình để khám quản lý điều trị các bệnh mãn tính cho học sinh.

- Hoạt động về phòng chống các bệnh mắt học đường, nha học đường, tai nạn thương tích học đường, đặc biệt là phòng tai nạn đuối nước... được quan tâm.

- Hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường (đặc biệt là cấp mầm non và tiểu học) bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, đa dạng thực phẩm, phù hợp với đối tượng và lứa tuổi; triển khai Chương trình Sữa học đường phù hợp với tình hình thực tế của từng trường; thực hiện theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh mầm non, khối tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn thành phố và triển khai hoạt động về phòng chống thừa cân, béo phì cho học sinh.

- Cán bộ phụ trách công tác y tế trường học tổ chức và thực hiện xử lý sơ cấp cứu tại chỗ cho học sinh; tư vấn cho học sinh, giáo viên, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh về các vấn đề liên quan đến bệnh, tật, sự phát triển thể chất, tinh thần của học sinh; hướng dẫn học sinh biết tự chăm sóc sức khỏe; đối với các trường học có học sinh khuyết tật thì tư vấn, hỗ trợ học sinh khuyết tật hòa nhập; nhập số liệu sức khỏe học sinh trên hệ thống vn.edu và cơ sở dữ liệu ngành, thông báo cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh tối thiểu 1 lần/năm về sức khỏe của học sinh.

- Các trường học chú trọng việc xây dựng môi trường vệ sinh, phòng chống dịch bệnh, tăng cường hoạt động thể lực; xây dựng môi trường không khói thuốc lá, không sử dụng đồ uống có cồn và các chất gây nghiện; phối hợp với BHXH tỉnh Lâm Đồng thực hiện tốt BHYT học sinh, sử dụng có hiệu quả nguồn lực trích từ quỹ khám chữa bệnh BHYT cho công tác CSSKBD cho học sinh tại trường học.

- Hàng năm tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực, nghiệp vụ chuyên môn công tác y tế trường học cho cán bộ, nhân viên làm công tác y tế trường học tuyến y tế cơ sở.

- Duy trì phối hợp với các đơn vị kiểm tra điều kiện vệ sinh trường học, tình hình sức khỏe học sinh và kết quả thực hiện công tác YTTH.

IV. Đánh giá chung

1. Kết quả nổi bật

- Trong thời gian qua được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng, Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Lạt và sự vào cuộc quyết liệt chính quyền địa phương đã triển khai đồng bộ có hiệu quả nhiều chương trình, dự án chăm sóc sức khỏe học đường trong trường học nhằm chăm sóc và bảo vệ sức khỏe học sinh như: Phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng, phòng chống suy dinh dưỡng, an toàn thực phẩm... các trường học đã chú trọng vào việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh, phát hiện và xử lý sớm các vấn đề sức khỏe như giảm thị lực, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn sức khỏe tâm thần và các bệnh tật khác.

- Ngành Y tế đã phối hợp chặt chẽ với ngành Giáo dục thực hiện công tác y tế trường học nhằm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh. Hoạt động truyền thông, giáo dục phòng ngừa dịch bệnh học đường ngày càng được tăng cường và có chiều sâu.

- 100% các trường học trên địa bàn thành phố có cán bộ y tế trường học hoặc phân công cán bộ kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ YTTH; hoạt động chăm sóc và theo dõi sức khỏe học sinh được thực hiện đồng bộ và hiệu quả.

- Nhận thức về dinh dưỡng hợp lý, tăng cường hoạt động thể lực và vệ sinh cá nhân đã có những chuyển biến tích cực. Công tác tổ chức bữa ăn học đường ngày càng được quan tâm và từng bước được cải thiện.

2. Hạn chế

- Trình độ chuyên môn của một số cán bộ y tế trường học chưa đáp ứng được theo yêu cầu quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT (chủ yếu tập trung ở hệ Mầm non) do vậy việc thực hiện công tác chuyên môn chưa đảm bảo như: công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng chống bệnh tật học đường, các hành vi nguy cơ về sức khỏe cho học sinh còn nhiều hạn chế; trang bị thuốc thiết yếu và dụng cụ y tế chưa đầy đủ...

- Tổ chức khám chuyên khoa trong trường học là cần thiết tuy nhiên các trường rất khó triển khai do bất cập về kinh phí.

3. Nguyên nhân của hạn chế

Nguồn kinh phí phục vụ cho công tác YTTH còn hạn hẹp, chủ yếu từ nguồn bảo hiểm y tế (BHYT) học sinh. Tuy nhiên, theo quy định, nhà trường muốn được trích chuyển 5% số tiền BHYT học sinh đóng nộp thì yêu cầu trường phải có nhân viên y tế đủ điều kiện hành nghề khám, chữa bệnh; ngoài ra, phải có phòng y tế hoặc phòng làm việc riêng để thực hiện việc sơ, cấp cứu, xử trí ban đầu cho học sinh khi xảy ra tai nạn thương tích, các bệnh thông thường trong thời gian học tập tại trường. Hiện tại nhiều trường chưa đáp ứng được các yêu cầu trên, do đó thiếu tính chủ động trong triển khai các hoạt động YTTH. Mặt khác chưa có hướng dẫn chi kinh phí cụ thể của các đơn vị liên quan nên rất khó khăn trong việc tổ chức khám chuyên khoa cho học sinh.

V. Phương hướng trong giai đoạn tới

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho học sinh với các nội dung phòng chống dịch bệnh, phòng chống ngộ độc thực phẩm, dinh dưỡng tuổi học đường, phòng chống bệnh, tật tuổi học đường, chăm sóc răng miệng, phòng chống các bệnh về mắt, phòng chống tai nạn thương tích, rửa tay bằng xà phòng, đưa những nội dung giáo dục sức khỏe vào các môn học chính khóa.

- Đảm bảo dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm trong các nhà trường. Tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng, an toàn thực phẩm; triển khai Chương trình Sữa học đường phù hợp với tình hình thực tế; triển khai hiệu quả Đề án Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh; tăng cường xã hội hóa, huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm đảm bảo chất lượng dinh dưỡng bữa ăn học đường cho học sinh.

- củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học, đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống bệnh tật đối với trẻ em, học sinh. Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, cán bộ làm công tác y tế trường học, học sinh, cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý và vận động thể lực. Phối hợp chặt

chế giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng và vận động thể lực phù hợp cho trẻ em, học sinh. Thực hiện nghiêm việc không quảng cáo và kinh doanh đồ uống có cồn, nước ngọt có ga và các thực phẩm không có lợi cho sức khỏe trong trường học.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát về công tác dinh dưỡng học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm; tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh.

- Phối hợp với Y tế địa phương trong công tác rà soát tiền sử tiêm chủng của trẻ nhập học, tổ chức chiến dịch tiêm chủng, tổ chức tẩy giun cho học sinh,...

VI. Kiến nghị, đề xuất

- Đảm bảo nhân lực thực hiện công tác YTTH, quan tâm chế độ chính sách, phụ cấp,... cho nhân viên YTTH; đầu tư cơ sở vật chất, thuốc và trang thiết bị,...

- Hỗ trợ kinh phí cho công tác YTTH và hướng dẫn sử dụng kinh phí cho hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh.

- Thực hiện đa dạng hóa các hình thức truyền thông phù hợp với từng đối tượng trên các phương tiện truyền thông đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo điện tử, báo in), mạng xã hội (Facebook, Zalo, TikTok, Youtube...), tin nhắn điện thoại, các loại hình truyền thông trên nền tảng internet, các hình thức truyền tải thông điệp hiệu quả cao (video, clip,...).

Trên đây là Báo cáo tổng kết 03 Chương trình, Đề án của Thủ tướng Chính phủ về y tế trường học và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2019 – 2025 của Trung tâm Y tế Đà Lạt./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng;
- Sở GD-ĐT tỉnh Lâm Đồng;
- UBND thành phố Đà Lạt;
- TTKSBT tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Y tế Đà Lạt;
- Các đơn vị Y tế trực thuộc;
- Lưu: VT, NV-KH-DS, Khoa YTDP.PTHY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Đắc Nguyễn

**Phụ lục 1 : CÁC KẾ HOẠCH ĐÃ BAN HÀNH
LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC GIAI ĐOẠN 2019-2025**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-TTYT ngày /4/2025 của Trung tâm Y tế Đà Lạt)

Năm	Nội dung	Số Kế hoạch	Ngày/tháng/năm ban hành
2019	+ Kế hoạch hoạt động chương trình Y tế trường học năm 2019	32/KH-TTYT	27/02/2019
	+ Kế hoạch kiểm tra Y tế trường học năm học 2018-2019	42/KH-TTYT	05/3/2019
	+ Kế hoạch liên ngành công tác Y tế trường học năm học 2019-2020	116/KH-TTYT	01/10/2019
2020	+ Kế hoạch hoạt động chương trình Y tế trường học năm 2020	27/KH-TTYT	12/02/2020
	+ Kế hoạch kiểm tra Y tế trường học năm học 2019-2020	72/KH-TTYT	15/5/2020
	+ Kế hoạch liên ngành công tác Y tế trường học năm học 2020-2021	151/LN-YT-GD	06/10/2020
	+ Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin uốn ván – Bạch hầu giảm liều năm 2020	126/KH-TTYT	30/8/2020
	+ Kế hoạch tiêm vắc xin Sởi – Rubella cho trẻ từ 1 – 5 tuổi trên địa bàn thành phố Đà Lạt	153/KH-TTYT	09/10/2020
2021	+ Kế hoạch hoạt động chương trình Y tế trường học năm 2021	28/KH-TTYT	09/02/2021
	+ Kế hoạch kiểm tra Y tế trường học năm học 2020-2021	46/KH-TTYT	10/3/2021
	+ Kế hoạch tẩy giun cho học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Lạt	85/ LN-YT-GD	26/4/2021
	+ Kế hoạch triển khai chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin bại liệt (IPV) năm 2021	44/KH-TTYT	04/3/2021
2022	+ Kế hoạch hoạt động chương trình Y tế trường học năm 2022	28/KH-TTYT	18/02/2022
	+ Kế hoạch liên ngành công tác Y tế trường học năm học 2022-2023	116/LN-YT-GD	20/9/2022

Năm	Nội dung	Số Kế hoạch	Ngày/tháng/năm ban hành
	+ Kế hoạch tẩy giun cho học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Lạt	144/ LN-YT-GD	22/11/2022
	+ Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin uốn ván – Bạch hầu giảm liều năm 2022	127/KH-TTYT	11/10/2022
	+ Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 tại thành phố Đà Lạt đợt 41	53/KH-TTYT	19/4/2022
	+ Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19 tại thành phố Đà Lạt đợt 42	55/KH-TTYT	22/4/2022
2023	+ Kế hoạch hoạt động chương trình Y tế trường học năm 2023	32/KH-TTYT	18/01/2023
	+ Kế hoạch kiểm tra Y tế trường học năm học 2022-2023	43/KH-TTYT	13/02/2023
	+ Kế hoạch tẩy giun cho học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Lạt	70/ LN-YT-GD	20/4/2023
	+ Kế hoạch liên ngành công tác Y tế trường học năm học 2023-2024	117/LN-YT-GD	18/9/2023
	+ Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin uốn ván – Bạch hầu giảm liều năm 2023	35/KH-TTYT	29/01/2023
2024	+ Kế hoạch hoạt động chương trình Y tế trường học năm 2024	19/KH-TTYT	23/01/2024
	+ Kế hoạch kiểm tra Y tế trường học năm học 2023-2024	53/KH-TTYT	04/3/2024
	+ Kế hoạch liên ngành công tác Y tế trường học năm học 2023-2024	128/LN-YT-GD	10/9/2024
	+ Kế hoạch tẩy giun cho học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Lạt	74/LN-YT-GD	22/4/2024
	+ Quy chế phối hợp giữa TTYT và Phòng GD-ĐT thành phố Đà Lạt thực hiện công tác YTTH	1186/QC-TTYT-PGD&ĐT	01/11/2024
	+ Kế hoạch liên ngành công tác YTTH giai đoạn từ nay đến năm 2026	146/KHLN-YT-GD&ĐT	01/11/2024

Năm	Nội dung	Số Kế hoạch	Ngày/tháng/năm ban hành
	+ Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin uốn ván – Bạch hầu trong chương trình TCMR năm 2025	153/KH-TTYT	22/11/2024
2025	+ Kế hoạch hoạt động chương trình Y tế trường học năm 2025	14/KH-TTYT	05/2/2025
	+ Kế hoạch kiểm tra y tế trường học năm học 2024-2025	48/KH-TTYT	18/02/2025
	+ Kế hoạch tẩy giun cho học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Đà Lạt	72/LN-YT-GD	15/4/2025
	+ Kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng chống dịch Sởi trên địa bàn thành phố Đà Lạt	66/KH-TTYT	21/3/2025

Phụ lục 2: BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ

Kết quả thực hiện 03 Chương trình, Đề án của Thủ tướng Chính phủ về y tế trường học và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2019 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-TTYT ngày /4/2025 của Trung tâm Y tế Đà Lạt)

I. Thông tin chung về các cơ sở giáo dục (CSGD) trên địa bàn thành phố

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Số trường	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Số học sinh (HS)	Số lượng	9.538	20.210	10.501	5.371	630	10.172	56.422
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100

II. Các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 03 Chương trình, Đề án của UBND tỉnh, thành phố

1. Công tác rà soát và sắp xếp lại đội ngũ, xây dựng cơ chế quản lý, phương thức hoạt động và mô hình thực hiện công tác y tế trường học gắn với y tế cơ sở trên địa bàn

1.1. Chính quyền địa phương thực hiện rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhân viên y tế trường học (YTTH) trong cơ sở giáo dục (CSGD)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Số CSGD thực hiện rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhân viên YTTH	75	100
Số CSGD đã xây dựng cơ chế quản lý và phương thức hoạt động YTTH phù hợp với điều kiện thực tiễn	75	100
Số trung tâm y tế huyện/trạm y tế xã đã phân công cán bộ chuyên trách về YTTH	01	100

1.2. CSGD bố trí nhân viên YTTH

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Tổng số CSGD	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Tổng số nhân viên YTTH của TP	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường có nhân viên chuyên trách công tác YTTH	Số lượng	16	24	05	04	01	07	57
	Tỷ lệ %	51,6	88,9	100	100	100	100	76
Trường có nhân viên kiêm nhiệm công tác YTTH	Số lượng	15	03	0	0	0	0	18
	Tỷ lệ %	48,4	11,1	0	0	0	0	24
Trường có nhân viên YTTH có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên	Số lượng	16	24	05	04	01	07	57
	Tỷ lệ %	51,6	88,9	100	100	100	100	76
Trường ký hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện	Số lượng	15	03	0	0	0	0	18
	Tỷ lệ %	48,4	11,1	0	0	0	0	24

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe học sinh trong trường học

2.1. Điều kiện về phòng y tế, trang thiết bị, thuốc thiết yếu trong trường học

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường có phòng y tế riêng	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Phòng y tế có ít nhất 01 giường theo dõi bệnh nhân	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Phòng y tế có đủ trang thiết bị, dụng cụ sơ cấp cứu thông thường	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Phòng y tế có đủ thuốc thiết yếu	Số lượng	16	24	05	04	01	07	57
	Tỷ lệ %	51,6	88,9	100	100	100	100	76

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường bảo đảm điều kiện thực hiện công tác YTTH, chăm sóc SKHS theo quy định (đủ các nội dung trên)	Số lượng	16	24	05	04	01	07	57
	Tỷ lệ %	51,6	88,9	100	100	100	100	76

2.2. Nước uống và nước sinh hoạt trong trường học

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường đảm bảo đủ nước uống cho học sinh	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường thực hiện các biện pháp bảo đảm chất lượng nước uống theo quy định của Bộ Y tế	Số lượng	31	26	05	04	01	07	74
	Tỷ lệ %	100	96,3	100	100	100	100	98,7
Trường bảo đảm đủ nước sinh hoạt cho học sinh	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường thực hiện các biện pháp bảo đảm chất lượng	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường cung cấp đủ nước uống, nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng cho học sinh (HS) (đủ các nội dung trên)	Số lượng	31	26	05	04	01	07	74
	Tỷ lệ %	100	96,3	100	100	100	100	98,7

2.3. Nhà vệ sinh cho học sinh

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường có nhà vệ sinh cho nam, nữ riêng biệt	Số lượng	31	26	05	04	01	07	74
	Tỷ lệ %	100	96,3	100	100	100	100	98,7
Trường bảo đảm số học sinh trung bình/1 bệ xí theo	Số lượng	31	21	04	01	01	06	64
	Tỷ lệ %	100	77,8	80	25	100	85,7	85,3
Trường có nhà VS bảo đảm hợp VS (có nước sạch, xà phòng rửa tay, thường xuyên sạch sẽ, khô ráo, không có mùi hôi ...)	Số lượng	31	26	05	04	01	07	74
	Tỷ lệ %	100	96,3	100	100	100	100	98,7

2.4. Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích (theo quy định của BGDDT)

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng chống TNTT	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường bảo đảm ít nhất có 75% số phòng học đạt yêu cầu chiếu sáng	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường phổ thông bảo đảm bố trí bàn ghế phù hợp với chiều cao HS, với HS khuyết tật	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100

3. Công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường có bố trí ít nhất 1 khu vực bảo đảm trang thiết bị, dụng cụ cần thiết cho GDTC HĐTT theo quy định	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường tổ chức hoạt động vận động thể lực phù hợp cho HS thông qua hoạt động thể thao ngoại khóa, câu lạc bộ thể thao	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường phổ thông tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại thể lực HS theo quy định	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường định kỳ tổ chức thi đấu thể thao theo quy định	Số lượng	07	27	05	04	01	07	51
	Tỷ lệ %	22,6	100	100	100	100	100	68
Trường phổ thông có đủ giáo viên GDTC và được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Số lượng	0	27	05	04	01	07	44
	Tỷ lệ %	0	100	100	100	100	100	100
Trường mầm non có giáo viên kiêm nhiệm dạy môn GDTC được tập huấn, bồi dưỡng đạt chuẩn trình độ theo quy định	Số lượng	0	/	/	/	/	/	0
	Tỷ lệ %	0	/	/	/	/	/	0

4. Công tác quản lý về sức khỏe học sinh, dinh dưỡng học đường, tổ chức bữa ăn bán trú bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm trong trường học

4.1. Quản lý, thực hiện kiểm tra sức khỏe học sinh (SKHS) đầu năm học

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường tổ chức kiểm tra SKHS đầu năm	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường tổ chức đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho học sinh	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường tổ chức đo thị lực cho học sinh	Số lượng	0	27	05	04	01	07	44
	Tỷ lệ %	0	100	100	100	100	100	100
Trường có thông báo kết quả kiểm tra sức khỏe cho cha mẹ học sinh	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường thực hiện kiểm tra sức khỏe đầu năm học theo quy định (đủ các nội dung trên)	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100

4.2. Đánh giá phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ về bệnh không lây nhiễm, sức khỏe tâm thần ở học sinh

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường tổ chức đánh giá tình trạng hút thuốc lá ở học sinh	Số lượng	0	27	05	04	01	07	44
	Tỷ lệ %	0	100	100	100	100	100	100

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường tổ chức đánh giá tình trạng sử dụng rượu bia ở học sinh	Số lượng	0	0	05	04	01	07	44
	Tỷ lệ %	0	0	100	100	100	100	100
Trường tổ chức đánh giá hoạt động thể lực ở học sinh	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường tổ chức đánh giá thói quen, hành vi dinh dưỡng ở HS	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng ở học sinh theo quy định	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường có sàng lọc sức khỏe tâm thần, khó khăn tâm lý ở HS	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường thực hiện đánh giá yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm, sức khỏe tâm thần đầy đủ (đủ các nội dung trên)	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100

4.3. Quản lý về dinh dưỡng học đường, tổ chức bữa ăn bán trú bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm trong trường học

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường tổ chức giáo dục dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm lành mạnh, an toàn cho học sinh	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường tổ chức bữa ăn bán trú bảo đảm các điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định	Số lượng	31	26	0	01	01	02	61
	Tỷ lệ %	100	100	0	100	100	100	100
Trường có căng tin bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định	Số lượng	0	0	0	01	01	04	06
	Tỷ lệ %	0	0	0	100	100	100	100
Trường xây dựng thực đơn đáp ứng khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi, đa dạng thực phẩm	Số lượng	31	26	0	01	01	02	61
	Tỷ lệ %	100	100	0	100	100	100	100
Trường có tổ chức bữa ăn học đường sử dụng sữa, sản phẩm từ sữa trong bữa ăn học đường đạt chuẩn theo quy định	Số lượng	31	26	0	0	0	0	57
	Tỷ lệ %	100	100	0	0	0	0	100

5. Mô hình điểm, các dự án về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý kết hợp với tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường thực hiện mô hình bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em mầm non, học sinh	Số lượng	31	26	0	0	01	02	60
	Tỷ lệ %	100	100	0	0	100	100	98,4

6. Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe cho học sinh

6.1. Xây dựng nội dung truyền thông, giáo dục sức khỏe cho học sinh

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường có xây dựng nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe cho HS	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường có lồng ghép truyền thông giáo dục sức khỏe trong môn học, hoạt động giáo dục	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường có xây dựng nội dung truyền thông về dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động thể lực	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường có sự phối hợp với y tế cơ sở trong truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100

6.2. Tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Học sinh được truyền thông, giáo dục sức khỏe và nâng cao kiến thức phòng, chống bệnh, tật học đường, bệnh không lây nhiễm, sức khỏe tâm thần	Số lượng	0	20.210	10.501	5.371	630	10.172	46.884
	Tỷ lệ %	0	100	100	100	100	100	100
HS được phổ biến, tư vấn về sức khỏe tâm thần, tâm sinh lý lứa tuổi	Số lượng	0	20.210	10.501	5.371	630	10.172	46.884
	Tỷ lệ %	0	100	100	100	100	100	100
HS được truyền thông phòng chống tác hại của thuốc lá	Số lượng	0	20.210	10.501	5.371	630	10.172	46.884
	Tỷ lệ %	0	100	100	100	100	100	100
HS được truyền thông phòng chống tác hại của rượu/bia	Số lượng	0	0	10.501	5.371	630	10.172	26.674
	Tỷ lệ %	0	0	100	100	100	100	100

7. Công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên YTTH chuyên trách và kiêm nhiệm

7.1. Cán bộ quản lý phụ trách công tác y tế trường học tại Sở GDĐT/phòng GDĐT

Cán bộ	Số lượng	Số được bồi dưỡng, tập huấn	Tỷ lệ %
Cán bộ phụ trách công tác YTTH ở các Sở GDĐT/Phòng GDĐT	/	/	/

7.2. Cán bộ giáo viên, nhân viên y tế trường học

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Tổng số nhân viên YTTH								
Nhân viên YTTH được tập huấn về chăm sóc, bảo vệ, quản lý sức khỏe học sinh trong trường học	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Nhân viên YTTH được tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên về YTTH	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Nhân viên YTTH được bồi dưỡng, cấp chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023	Số lượng	0	0	0	0	0	0	0
	Tỷ lệ %	0	0	0	0	0	0	0
Nhân viên YTTH được bồi dưỡng, cấp chứng nhận theo quy định tại Quyết định số 4202/QĐ-BGDĐT ngày 13/12/2022	Số lượng	0	0	0	0	0	0	0
	Tỷ lệ %	0	0	0	0	0	0	0

7.3. Nhân viên y tế trường học và nhân viên làm việc tại bếp ăn tập thể trong trường học

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Nhân viên YTTH được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về dinh dưỡng hợp lý kết hợp với tăng cường hoạt động thể lực, phòng, chống bệnh không lây nhiễm	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Tổng số giáo viên/nhân viên làm việc tại bếp ăn tập thể trong cơ sở giáo dục	Số lượng	153	115	0	01	05	09	283
Giáo viên/nhân viên làm việc tại bếp ăn tập thể trong cơ sở giáo dục được truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về dinh dưỡng hợp lý và ATTP	Số lượng	153	113	0	01	05	09	281
	Tỷ lệ %	100	98,3	0	100	100	100	99,3
Tổng số giáo viên	Số lượng	579	833	399	304	50	479	2.644
Giáo viên được truyền thông về lợi ích dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực đối với việc phòng, chống bệnh không lây nhiễm	Số lượng	579	833	399	304	50	479	2.644
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100

8. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giám sát, thống kê, báo cáo

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường áp dụng phần mềm quản lý, theo dõi, thống kê, đánh giá về sức khỏe học sinh	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường áp dụng các phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phần mềm xây dựng thực đơn cho học sinh	Số lượng	17	27	05	04	01	07	61
	Tỷ lệ %	54,8	100	100	100	100	100	81,3
Cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn để sử dụng phần mềm quản lý, theo dõi, thống kê đánh giá sức khỏe học sinh	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Nhân viên y tế trường học được tập huấn để sử dụng phần mềm quản lý, theo dõi, thống kê đánh giá sức khỏe học sinh	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100

9. Công tác phối hợp liên ngành về y tế trường học gắn với y tế cơ sở

9.1. Chính quyền các cấp ở địa phương có cơ chế phối hợp giữa ngành Y tế và ngành Giáo dục về công tác YTTH gắn với y tế cơ sở (YTCS)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
Số lượng đơn vị trong thành phố	16	100
Số đơn vị trong thành phố có cơ chế phối hợp giữa ngành Y tế và ngành Giáo dục về công tác YTTH gắn với YTCS	16	100

9.2. Cơ chế phối hợp liên ngành

Có cơ chế khuyến khích hệ thống y tế ngoài công lập tham gia vào công tác chăm sóc SK ban đầu cho HS trong Huy động đầu tư của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp cho công tác YTTH, tập trung vào một số lĩnh vực: Dinh dưỡng học đường, công trình nước sạch, nhà vệ sinh, chuyển đổi số trong lĩnh vực YTTH	☐ Có	☒ Không
Xây dựng kế hoạch phối hợp liên ngành hằng năm giữa ngành GD-YT-LĐTBXH, ban, ngành liên quan	☒ Có	☐ Không

10. Công tác huy động nguồn lực, bố trí kinh phí và đẩy mạnh xã hội hóa, lồng ghép 03 Chương trình, Đề án với các chương trình, đề án phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương

10.1. Huy động nguồn lực, bố trí kinh phí

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Tổng số trường công lập	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường có nguồn kinh phí trích lại từ bảo hiểm y tế dành cho chăm sóc sức ban đầu đối với học sinh	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100
Trường bố trí kinh phí hoạt động YTTH từ ngân sách dành cho sự nghiệp giáo dục, y tế hằng năm	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100

10.2. Lồng ghép Chương trình, Đề án

Địa phương tổ chức lồng ghép Chương trình/Đề án này với đề án, chương trình khác		
Đề án 41	☒ Có	☐ Không
Chương trình Sức khỏe học đường	☒ Có	☐ Không
Chương trình Y tế trường học	☒ Có	☐ Không

11. Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo theo quy định

Hàng năm địa phương kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình/Đề	
Đề án 41	☒ Có ☐ Không
Chương trình Sức khoẻ học đường	☒ Có ☐ Không
Chương trình Y tế trường học	☒ Có ☐ Không

Thông tin		Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	Trường chuyên biệt (PTDT NT, BT)	Trường phổ thông nhiều cấp học	Tổng cộng
Trường học báo cáo đủ việc triển khai các nội dung theo quy định	Số lượng	31	27	05	04	01	07	75
	Tỷ lệ %	100	100	100	100	100	100	100